

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh C xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên đi chơi về khuya, thường xuyên uống rượu từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Mặc dù chị

cũng đã nhiều lần khuyên nhủ anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 21/9/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2019 anh Nguyễn Chí C trình bày:

Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh hay đi chơi, không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Nay vợ anh làm đơn yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì con anh còn nhỏ, bản thân anh có thể thay đổi được. Nếu trường hợp vợ anh cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 21/9/2015. Nếu phải ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho vợ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H. Xử cho chị H và anh C được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 21/9/2015 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H anh C xác định vợ chồng không có nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh C vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh C theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H, anh C xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở tình nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện L, tỉnh Lào vào ngày 16/01/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C. Chị H cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên đi chơi về khuya, thường xuyên uống rượu từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau, Mặc dù chị cũng đã nhiều lần khuyên nhủ anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi. Trong thời gian sống ly thân tình cảm của vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được nên chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C. Anh C thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C ham chơi, không quan tâm chăm sóc cho vợ con nhưng vì hiện nay con anh còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy rằng trong thời gian chung sống tại địa phương thì vợ chồng anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, không quan tâm chăm sóc cho vợ con, mặc dù chị H cũng đã khuyên nhủ anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi. Xét thấy nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh C được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh C xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 21/9/2015. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con, anh C cũng đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy sau khi vợ chồng sống ly hôn thì hiện nay con chung đang ở với chị H, bên cạnh đó anh chị cũng thống nhất giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về tâm sinh lý của trẻ cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 21/9/2015 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp chăm nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị H và anh C xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H và anh Nguyễn Chí C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 21/9/2015 cho chị Lê Thị H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007056 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L(02);
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hữu Dũng